

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST.

Ngày 05/5/2021.

V/v tranh chấp hợp đồng phân phối.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Minh Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Đức.

2. Ông Nguyễn Công Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số: 21/2020/TLST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng phân phối*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Th - Chủ hộ kinh doanh; địa chỉ: Số 09/165 đường Lê L, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh QT.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty Luật VH; địa chỉ: 140/01 đường Tôn Thất T, thành phố ĐH, tỉnh QT (*Theo hợp đồng ủy quyền ngày 28/10/2018*) do bà Trần Thị L - Cán bộ pháp lý Công ty Luật VH làm đại diện (*Theo văn bản v/v phân công người thực hiện hợp đồng số: 62/2019/CV-CTL ngày 24/4/2019 của Công ty Luật VH*) - Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL; địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Packsimex, số 25 Đông Du, phường BN, Quận A, thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lê Kim Đ - Giám đốc Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2019, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/01/2018, Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL (*Sau đây viết tắt là Công ty TL*) và Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Th (*Sau đây viết tắt là bà Th*) hai bên ký Hợp đồng phân phối sản phẩm số: 01/NPPNTTTQT/HĐKT 2018. Theo đó, bà

Th trở thành nhà phân phối của Công ty TL đối với các mặt hàng nước rửa chén, lau sàn nhà, nước giặt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ nội dung Hợp đồng, bà Th tiến hành đặt hàng và có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng trước cho công ty, khi công ty nhận được tiền thì sẽ tiến hành quy trình giao hàng cho bà Th. Ngoài ra, theo Thông báo ngày 31/01/2018 của công ty thì kể từ ngày 01/3/2018, bà Th sẽ hỗ trợ công ty trong việc chi trả tạm ứng và lương thưởng cho đội ngũ nhân viên bán hàng của công ty. Sau đó bà Th sẽ được công ty cản trừ trực tiếp vào đơn hàng đầu tiên của tháng tiếp theo.

Thực hiện Hợp đồng, từ ngày 11/01/2018 đến ngày 02/6/2018, bà Th đã tiến hành đặt 07 đơn hàng với tổng giá trị 530.880.000 đồng và đã chi trả lương cho nhân viên bán hàng hộ công ty 03 lần, tổng cộng số tiền 57.402.000 đồng. Sau khi trừ chiết khấu 10% theo hợp đồng và khoản chi trả lương nhân viên bán hàng thì bà Th thực hiện nghĩa vụ chuyển tiền cho công ty. Quá trình chuyển tiền cho Công ty được bà Th thực hiện 07 lần với tổng số tiền chuyển là 420.390.000 đồng.

Về phía Công ty, sau khi nhận được đơn hàng và tiền hàng qua tài khoản thì công ty đã tiến hành xuất kho 12 lần để giao hàng cho bà Th với tổng giá trị 388.124.000 đồng. Ngoài xuất kho trả hàng cho bà Th thì tại các phiếu xuất kho công ty còn chuyển hàng khuyến mãi tặng kèm theo cho bà Th.

Như vậy, sau 12 lần xuất kho trả hàng thì công ty còn nợ bà Th số tiền 124.920.000 đồng (477.792.000 đồng – 352.872.000 đồng). Trong đó, bao gồm toàn bộ lô hàng theo đơn hàng lần thứ 7 ngày 02/6/2018, số tiền 112.008.000 đồng và hàng hóa còn nợ theo từng đơn hàng.

Sau khi đặt đơn hàng và chuyển tiền đơn hàng lần thứ 07 vào ngày 02/6/2018 thì từ ngày 04/6/2018 bà Th đã nhiều lần hỏi thúc công ty xuất kho trả hàng nhưng công ty vẫn không có động thái xuất kho trả hàng nên đã nợ tiền hàng của bà Th.

Vì vậy, Bà Nguyễn Thị Thu Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL phải thanh toán cho hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Th số tiền nợ do phát sinh từ hợp đồng phân phối sản phẩm với số tiền 124.920.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 32.791.500 đồng ($124.920.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng} = 32.791.500 \text{ đồng}$). Tổng cộng 157.711.500 đồng.

2. Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL không có văn bản trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 86, 87 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật Thương mại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà

Nguyễn Thị Thu Th. Buộc bị đơn Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL phải thanh toán số tiền hàng còn thiếu là 124,920.000 đồng và tiền lãi chậm trả trên số tiền chậm trả từ ngày 04/6/2018 đến ngày 05/5/2021 theo mức lãi suất 9%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không cấp, tổng đạt trực tiếp được văn bản tố tụng cho bị đơn nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Lý do niêm yết: Tại thời điểm giao dịch ký hợp đồng phân phối sản phẩm số: 01/NPPNTTTQT/HĐKT 2018 ngày 11/01/2018 với bà hộ kinh doanh bà Th thì Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL có địa chỉ trụ sở: Tầng 1, Tòa nhà Packsimex, số 25 Đông Du, phường BN, Quận A, thành phố HCM. Quá trình thực hiện hợp đồng phân phối sản phẩm, địa chỉ của bị đơn cũng thể hiện tại địa chỉ nêu trên. Mặt khác, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên; mã số doanh nghiệp: 0314267149 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 06/3/2017 cho thấy Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL có địa chỉ trụ sở: Tầng 1, Tòa nhà Packsimex, số 25 Đông Du, phường BN, Quận A, thành phố HCM và hiện không có gì thay đổi về địa chỉ. Do đó, địa chỉ của bị đơn hiện tại là: Tầng 1, Tòa nhà Packsimex, số 25 Đông Du, phường BN, Quận A, thành phố HCM.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp*: Ngày 11/01/2018 giữa bên A (Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL) với bên B (Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Th) hai bên đã ký Hợp đồng phân phối sản phẩm số: 01/NPPNTTTQT/HĐKT 2018 đều nhằm mục đích lợi nhuận. Tại phụ lục 1 của hợp đồng thể hiện địa bàn hoạt động phân phối sản phẩm của bên B là toàn bộ phạm vi tỉnh Quảng Trị. Quá trình thực hiện hợp đồng giữa bên A và bên B cũng nhiều lần giao nhận hàng hóa do bên A cung cấp tại địa bàn thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị và bên B đã phân phối hàng hóa do bên A cung cấp trên địa bàn thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Do đó cho thấy, Hợp đồng phân phối sản phẩm số: 01/NPPNTTTQT/HĐKT 2018 ngày 11/01/2018 được thực hiện trên địa bàn thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị nên tranh chấp giữa bên A (Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL) với bên B (Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Th) phát sinh từ Hợp đồng phân phối sản phẩm số: 01/NPPNTTTQT/HĐKT 2018 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Tranh chấp giữa bên A (Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL) với bên B (Bà Nguyễn Thị Thu Th - Chủ hộ kinh doanh) phát sinh từ Hợp đồng phân phối sản phẩm số: 01/NPPNTTTQT/HĐKT 2018. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng phân phối sản phẩm*”.

Tại phiên tòa, Tòa án đã cấp, tổng đạt niêm yết hợp lệ 2 lần văn bản thông báo

tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán khoản nợ tiền hàng phát sinh từ Hợp đồng phân phối sản phẩm 01/NPPNTTTQT/HĐKT 2018 ngày 11/01/2018 với tổng số tiền 124.920.000 đồng, xét thấy:

Ngày 11/01/2018, giữa (Bên A) Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL do ông Lê Thanh T chính là Phó Giám đốc của Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL (*Theo quyết định về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc công ty số.../2017/QĐ ngày 10/3/2017 của công ty*) đã nhân danh công ty TNHH Yoko Kawasaki TL ký kết Hợp đồng phân phối sản phẩm số: 01/NPPNTTTQT/HĐKT 2018 ngày 18/01/2018 với (Bên B) bà Nguyễn Thị Thu Th - Chủ hộ kinh doanh, hai bên đã thỏa thuận với các nội dung: Bên B làm nhà phân phối cho bên A để phân phối các sản phẩm do bên A cung cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Việc giao nhận hàng hóa, phân phối sản phẩm được thực hiện: Bên B tiến hành đặt hàng và thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản cho bên A trước khi nhận hàng. Sau khi chuyển khoản và có số tiền đã chuyển thì bên A tiến hành giao hàng cho bên B.

Ngoài ra, theo Thông báo ngày 31/01/2018 của bên A thì kể từ ngày 01/3/2018, bên B hỗ trợ cho bên A chi trả tiền tạm ứng và lương thưởng cho đội ngũ nhân viên bán hàng của bên A. Sau đó, bên B sẽ được bên A cân trừ trực tiếp vào đơn hàng đầu tiên của tháng tiếp theo cho bên B.

Thực hiện hợp đồng: Từ ngày 11/01/2018 đến ngày 02/6/2018, bên B đã đặt 07 đơn hàng với tổng giá trị 530.880.000 đồng và bên B đã thực hiện nghĩa vụ chuyển tiền hàng cho bên A với tổng số tiền 420.390.000 đồng; Cụ thể:

Lần 1: Ngày 12/01/2018 chuyển tiền cho Bên A qua số tài khoản 16910000712119, số tiền 61.732.800 đồng.

Lần 2: Ngày 19/01/2018 chuyển tiền cho Bên A qua số tài khoản 16910000712119, số tiền 28.152.000 đồng.

Lần 3: Ngày 26/01/2018 chuyển tiền cho Bên A qua số tài khoản 16910000712119, số tiền 50.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 29/01/2018 chuyển tiền cho Bên A qua số tài khoản 16910000712100, số tiền 85.259.000 đồng.

Lần 5: Ngày 13/4/2018 chuyển tiền cho Bên A qua số tài khoản 16910000712119, số tiền 84.511.000 đồng.

Lần 6: Ngày 25/4/2018 chuyển tiền cho Bên A qua số tài khoản 16910000712100, số tiền 47.368.800 đồng.

Lần 7: Ngày 04/6/2018 chuyển tiền cho Bên A qua số tài khoản 16910000712119, số tiền 63.366.200 đồng.

Ngoài ra, theo yêu cầu của bên A tại thông báo ngày 31/01/2018, bên B đã chi trả lương cho nhân viên bán hàng hộ bên A 03 lần; cụ thể: Lần 1: 19.961.000 đồng; lần 2: 17.941.000 đồng; lần 3: 19.500.000, tổng cộng 57.402.000 đồng. Do số tiền 57.402.000 đồng này hai bên đã thỏa thuận được cân trừ vào đơn hàng. Do đó, số tiền này được xem

là số tiền bên B chi trả vào việc mua hàng của bên A.

Như vậy, tổng số tiền hàng mà (Bên B) bà Nguyễn Thị Thu Th - Chủ hộ kinh doanh đã chuyển cho (Bên A) Công ty TNHH Yoko KawasakiTL để mua hàng với tổng số tiền là 477.792.000 đồng ($420.390.000đ + 57.402.000đ = 477.792.000đ$).

Tuy nhiên, sau khi nhận được đơn hàng và tiền hàng chuyển qua tài khoản và số tiền bên B chi trả lương cho nhân viên bán hàng, thì bên A đã xuất kho giao hàng cho bên B, nhưng không đủ số lượng, giá trị hàng hóa mà bên B đã đặt; cụ thể: Bên A chỉ tiến hành xuất kho 12 lần để giao hàng với tổng giá trị 392.080.000 đồng. Sau khi trừ chiết khấu 10% của giá trị hàng hóa, thì giá trị hàng hóa bên A thực chuyển cho bên B là 352.872.000 đồng (Tổng giá trị hàng hóa xuất kho 392.080.000 đồng – chiết khấu 10% = Giá trị hàng hóa thực chuyển của bên A là 352.872.000 đồng). Cụ thể:

1. Phiếu xuất kho số: 001 ngày 15/01/2018, với giá trị: 60.304.000 đồng;
2. Phiếu xuất kho số: 002 ngày 24/01/2018, với giá trị: 17.440.000 đồng;
3. Phiếu xuất kho số: 003 ngày 30/01/2018, với giá trị: 71.120.000 đồng;
4. Phiếu xuất kho số: 004 ngày 05/02/2018, với giá trị: 45.240.000 đồng;
5. Phiếu xuất kho số: 005 ngày 19/3/2018, với giá trị: 11.820.000 đồng;
6. Phiếu xuất kho số: 004 ngày 19/3/2018, với giá trị: 22.908.000 đồng;
7. Phiếu xuất kho số: 005 ngày 30/3/2018, với giá trị: 24.236.000 đồng;
8. Phiếu xuất kho số: 001 ngày 10/4/2018, với giá trị: 62.872.000 đồng;
9. Phiếu xuất kho số: 003 ngày 11/4/2018, với giá trị: 252.000 đồng;
10. Phiếu xuất kho số: 002 ngày 11/4/2018, với giá trị: 24.595.000 đồng;
11. Phiếu xuất kho số: 001 ngày 02/5/2018, với giá trị: 49.320.000 đồng;
12. Phiếu xuất kho số: 001 ngày 20/5/2018, với giá trị: 2.304.000 đồng;

Như vậy, sau 12 lần xuất kho trả hàng thì (Bên A) Công ty TNHH Yoko KawasakiTL còn nợ tiền hàng của (Bên B) bà Nguyễn Thị Thu Th - Chủ hộ kinh doanh với tổng số tiền 124.920.000 đồng ($477.792.000 \text{ đồng} - 352.872.000 \text{ đồng}$).

Vì vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty TNHH Yoko KawasakiTL phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ tiền hàng với số tiền 124.920.000 là có căn cứ cần chấp nhận.

[5]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 9%/năm, tương ứng với 0.75%/tháng tính từ ngày 04/6/2018 đến ngày 05/5/2021 với số tiền 32.791.500, xét thấy:

Theo Điều 306 Luật thương mại quy định: Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ các văn bản thông báo về việc áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn tại thời điểm xét xử do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị cung cấp cho thấy: Mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử do 03 ngân hàng cung cấp cao hơn so với mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức lãi

suất chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn là 9%/năm, tương ứng với 0.75%/tháng để buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn tương ứng với thời gian chậm trả.

Như vậy, kể từ ngày 04/6/2018, nguyên đơn đặt hàng và chuyển tiền hàng lần thứ 7 cho bị đơn và yêu cầu bị đơn xuất kho giao hàng theo hợp đồng, nhưng bị đơn không xuất kho giao hàng và cũng không chịu trả lại tiền hàng nên đã nợ tiền hàng của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả kể từ ngày 04/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/5/2021) tương ứng với số tiền 32.791.500 đồng ($124.920.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng} = 32.791.500 \text{ đồng}$) là có căn cứ cần chấp nhận buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn.

[6]. Về án phí:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL phải trả nợ tiền gốc và tiền lãi với tổng số tiền 157.711.500 đồng được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 7.885.575 đồng $\{157.711.500 \text{ đồng} \times 5\% = 7.885.575 \text{ đồng}\}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 86, 87 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th, buộc bị đơn Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL phải trả nợ tiền hàng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th với tổng số tiền 157.711.500 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu triệu, bảy trăm mười một nghìn, năm trăm đồng); trong đó nợ tiền hàng 124.920.000 đồng; nợ tiền lãi chậm trả 32.791.500 đồng.

2. Về án phí:

+ Buộc Công ty TNHH Yoko Kawasaki TL phải chịu 7.885.575 đồng (Bảy triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, năm trăm bảy lăm đồng) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Thu Th không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu Th số tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đã nộp là 3.730.000 đồng (*Ba triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0009623 ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi

hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, DA.

Tạ Minh Khôi

